

Theravāda
Phật Giáo Nguyên Thủy

KINH TỤNG

*Dịch giả: TỊNH TÂM
(Hòa thượng HỘ TÔNG)*

Ấn bản 2005

Lưu ý: Đọc với phông chữ [VU Times](#) (Viet-Pali Unicode)

[20]

KINH TỤNG CẦU AN

*

BÀI THỈNH CHƯ THIÊN

**Sagge kāme ca rūpe girisikharataṭe cantalikkhe vimāne,
Dīpe raṭṭhe ca gāme taruvanagahane gehavatthumhi khette,
Bhummā cāyantu devā jalathalavisame yakkhagandhabbanāgā,
Tiṭṭhantā santikeyaṃ munivaravacanāṃ sādhavo me suṇantu.**

Xin thỉnh Chư Thiên ngự trên cõi Trời Dục giới cùng Sắc giới; Chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không, ngự trên cồn bãi, đất liền hoặc các châu quận, ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn, Chư Da-Xoa, Càn-Thác-Bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của đức Thích-Ca Mâu-Ni mà chúng tôi tụng đây, xin các bậc Hiền triết nên nghe lời ấy.

Dhammassavanakālo ayambhadantā.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp-Bảo.

Dhammassavanakālo ayambhadantā.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp-Bảo.

Dhammassavanakālo ayambhadantā.

Xin các Ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp-Bảo.

-ooOoo-

[21]

NAMASSAKĀRA PHÉP LỄ BÁI

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. (3 lần)

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Đức BHAGAVĀ [1] đó, Ngài là bậc ARAHAM [2] cao thượng, được chứng quả Chánh-Biến-Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (3 lần)

-ooOoo-

[22]

**SARAṄAGAMANA
(TAM QUY)**

Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật.

Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp.

Saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng.

Dutiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatiyampi buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Phật, lần thứ ba.

Tatiyampi dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatiyampi saṅghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.

(Tôi đem hết lòng thành kính) xin Quy y Tăng, lần thứ ba.

-ooOoo-

[23]

**SAMBUDDHE
(LỄ BÁI CHƯ PHẬT)**

**Sambuddhe aṭṭhaviṣaṅga,
Dvādasāṅga saḥassake,
Pañcasatasahassāni,
Namāmi sirasā ahaṃ.**

Tôi đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 Vị Chánh-Biến-Tri, 12 ngàn Vị Chánh-Biến-Tri và 500 ngàn Vị Chánh-Biến-Tri.

**Tesaṃ dhammaṅga saṅghaṅga,
Ādarena namāmihaṃ.**

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp-Bảo và Tăng-Bảo, của các vị Chánh-Biến-Tri ấy.

**Namakārānubhāvena,
Hantvā sabbe upaddave,
Anekā antarāyāpi,
Vinassantu asesato.**

Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh-Biến-Tri, mà những điều rui ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.

**Sambuddhe pañca paññāsañca,
Catuvisatisahassake,
Dasasatasahassāni,
Namāmi sirasā ahaṃ.**

Tôi đem hết lòng thành kính, làm lễ 55 Vị Chánh-Biến-Tri, 24 ngàn Vị Chánh-Biến-Tri và 1 triệu Vị Chánh-Biến-Tri.

**Tesaṃ dhammañca saṅghañca,
Ādarena namāmihaṃ.**

Tôi đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp-Bảo và Tăng-Bảo, của các Vị Chánh-Biến-Tri ấy.

**Namakārānubhāvena,
Hantvā sabbe upaddave,
Anekā antarāyāpi,
Vinassantu asesato.**

Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh-Biến-Tri, mà những điều rui ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.

**Sambuddhe navuttarasate,
Aṭṭhacattālīsasahassake,
Visatisatasahassāni,
Namāmi sirasā ahaṃ.**

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ 109 Vị Chánh-Biến-Tri, 48 ngàn Vị Chánh-Biến-Tri và 2 triệu Vị Chánh-Biến-Tri.

**Tesaṃ dhammañca saṅghañca,
Ādarena namāmihaṃ,**

Tôi đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp-Bảo và Tăng-Bảo, của các vị Chánh-Biến-Tri ấy.

**Namakārānubhāvena,
Hantvā sabbe upaddave,
Anekā antarāyāpi,
Vinassantu asesato.**

Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh-Biến-Tri, mà những điều rui ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.

-ooOoo-

[24]

**MAṄGALASUTTĀRAMBHO
TỤNG BỐ CÁO HẠNH PHÚC KINH**

**Ye santā santacittā tisaraṇasaṇā eṭtha lokantare vā.
Bhummā bhummā ca devā gaṇagaṇahaṇabyāvaṭā sabbakālaṃ.**

Xin thỉnh tất cả Chư Thiên ngự trong hư không thế giới, hoặc ngoài hư không thế giới này, là bậc đã có lòng an tịnh và đã quy y Tam-Bảo, là bậc năng chuyên cần việc hạnh phúc.

Ete āyantu devā varakanakamaye merurāje vasanto.

Xin thỉnh tất cả Chư Thiên, ngự trên Tu-Di Sơn Vương, tinh anh bằng vàng ròng cao thượng.

Santo santo sahetuṃ munivaravacanam sotumaggaṃ samaggaṃ.

Xin thỉnh tất cả Chư Thiên là bậc Tịnh giả đồng tụ hội nơi đây, lắng nghe lời vàng của Đức Thích-Ca Mâu-Ni, là Pháp Vô thượng làm cho phát sanh điều hoan lạc.

**Sabbesu cakkavālesu,
Yakkhā devā ca brahmino,
Yaṃ amhehi kataṃ puññam,
Sabbasampattisādhakam.**

Sự phước báo mà chúng tôi đã làm; có thể độ thành tựu các thứ quả, cầu xin Dạ-Xoa, Chư Thiên cùng Phạm Thiên, trong cả thế giới Ta-Bà đều hoan hỉ thọ lãnh phước ấy.

**Sabbe taṃ anumoditvā,
Samaggā sāsane ratā,
Pamādarahitā hontu,
Ārakkhāsu visesato.**

Tất cả Dạ-Xoa, Chư Thiên cùng Phạm Thiên khi đã thọ lãnh phước ấy, xin đồng tâm hoan hỉ trong Phật Pháp. Xin dứt lòng để xuôi và tùy phương tiện quý báu để hộ trì Phật Pháp.

**Sāsanassa ca lokassa,
Vuḍḍhī bhavatu sabbadā,
Sāsanampi ca lokañca,
Devā rakkhantu sabbadā.**

Cầu xin Phật Pháp được thịnh đạt và chúng sanh hằng được tấn hóa. Cầu xin tất cả Chư Thiên hộ trì Phật Pháp và tiếp độ chúng sanh.

**Saddhim hontu sukhī sabbe,
Parivārehi attano,
Anīghā sumanā hontu,
Saha sabbehi nātibhi.**

Cầu xin cho tất cả chúng sanh đều được yên vui, được vô khổ cụ, là người có thiện tâm luôn cả thân bằng cùng quyến thuộc.

**Yañca dvādaśa vassāni,
Cintayimsu sadevakā,
Cīrassaṃ cintayantāpi,
Neva jānimsu maṅgalaṃ,
Cakkavālasahasasu,
Dasasu yena tattakam,
Kālam kolāhalam jātam,
Yāva brahmanivesanā.**

Tất cả nhơn loại cùng Chư Thiên trong mười ngàn thế giới Ta-Bà, hằng mong cầu và cố gắng tìm xét trong 12 năm, những điều hạnh phúc vẫn chưa tìm thấy, xôn xao thâu đến cõi trời Phạm Thiên trong khi ấy.

**Yaṃ lokanātho desesi,
Sabbapāpavināsanam,
Yaṃ sutvā sabbadukkhehi,
Muñcantāsāṅkhiyā narā,**

**Evamādiḡuṇūpetam,
Maṅgalantambhaṇāma he.**

Đức Phật có giảng giải những sự hạnh phúc làm cho các tội lỗi đều phải tiêu diệt, chúng sanh nhiều không xiết kể, đã nghe và được dứt khỏi các sự thống khổ.

-ooOoo-

[25]

**MAṅGALASUTTA
HẠNH PHÚC KINH**

Evamme sutam:

Tôi (tên là A-NAN-ĐA) được nghe lại như vậy:

Ekaṃ samayaṃ Bhagavā Sāvattḡhiyaṃ viharati Jetavane Anāthapiṇḡikassa ārāme.

Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ-Viên Tịnh Xá của trường giả Cấp-Cô-Độc gần thành Xá-Vệ (Sāvattḡhi).

**Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇā kevalakappaṃ
Jetavanaṃ obhāsetvā yena Bhagavā tenupasaṅkami upasaṅkamtivā Bhagavantam
abhivādetvā ekamantaṃ aṭṡhāsi.**

Khi ấy, có vị Trời chiếu hào-quang xinh đẹp, làm cho trọn cả Kỳ-Viên sáng ngời rực-rỡ, vị Trời ấy đến nơi Phật ngự, đánh lễ đức Thế Tôn xong rồi, đứng tại chỗ nên đứng.

Ekamantaṃ ṡhitā kho sā devatā Bhagavantam gāṡhāya ajjabhāsi:

Khi đã đứng yên, vị Trời ấy bèn bạch với đức Thế Tôn, bằng lời kệ rằng:

**Bahū devā manussā ca,
Maṅgalāni acintayum,
Ākaṅkhamānā soṡṡhānam,
Brūhi maṅgalamuttamaṃ.**

Tất cả Chư Thiên cùng nhơn loại, đều cầu mong được những hạnh phúc và cố tìm xét những điều hạnh phúc. Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng Bác ái, giảng giải về những hạnh phúc cao thượng. Đức Thế Tôn tùy lời hỏi mà giảng rằng:

**Asevanā ca bālānam,
Paṇḡitānaṅca sevanā,
Pūjā ca pūjanīyānam,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: tư cách không xu hướng theo kẻ dốt.
Hai: tư cách thân-cận các bậc Trí tuệ.
Ba: tư cách cúng dường các bậc nên cúng dường.
Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao-thượng.

**Paṡirūpadesavāso ca,
Pubbe ca katapuññatā,
Attasammāpaṇḡidhi ca,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: tư cách ở trong nước nên ở.
Hai: tư cách của người đã làm được việc lành để dành khi trước.
Ba: nét hạnh giữ mình theo lẽ chánh.
Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Bāhusaccaṇca sippaṇca,
Vinayo ca susikkhito,
Subhāsita ca yā vācā,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: nét hạnh của người được nghe nhiều học rộng.
Hai: sự suốt thông phân sự của người xuất gia và tại gia.
Ba: Điều học mà người đã thọ trì được chín-chắn.
Bốn: lời mà người nói ra được ngay thật,
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Mātāpitu upaṭṭhānaṃ,
Puttadārassa saṅgho,
Anākulā ca kammataṃ,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: nét hạnh phụng sự Mẹ.
Hai: nét hạnh phụng sự Cha.
Ba: sự tiếp độ Vợ Con.
Bốn: những nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ.
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Dānaṇca dhammacariyā ca,
Ñātakānaṇca saṅgho,
Anavajjāni kammāni,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: nét hạnh bố thí.
Hai: nét hạnh ở theo Phật Pháp.
Ba: sự tiếp độ quyền thuộc.
Bốn: những nghề vô tội.
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Āraṭi viratī pāpā,
Majjapāna ca saññaṃ,
Appamādo ca dhammesu,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: nét hạnh ghê sợ và tránh xa tội lỗi.
Hai: sự thu thúc để tránh khỏi sự uống rượu.
Ba: sự không để đuôi Phật Pháp.
Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Gāraṃ ca nivāto ca,
Santuṭṭhi ca kataññutā,
Kālena dhammassavanaṃ,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: sự tôn kính bậc nên tôn kính.
Hai: nét hạnh khiêm nhường.
Ba: tri túc đến của đã có.
Bốn: nét hạnh biết đền ơn người.
Năm: nét hạnh tùy thời nghe Pháp.
Cả năm điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Khantī ca sovacassatā,
Samaṇānaṇca dassanaṃ,
Kālena dhammasākacchā,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: sự nhịn nhục.
Hai: nét hạnh người dễ dạy.
Ba: nét hạnh được thấy được gặp các bậc Sa-Môn.
Bốn: nét hạnh biện luận về Phật Pháp.
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Tapo ca brahmācariyaṅca,
Ariyasaccāna dassanaṃ,
Nibbānasacchikiriyā ca,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: sự cố gắng đoạn tuyệt điều ác.
Hai: nét hạnh hành theo Pháp cao thượng.
Ba: nét hạnh thấy các Pháp Diệu-đề.
Bốn: nét hạnh làm cho thấu rõ Niết-bàn.
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Phuṭṭhassa lokadhammehi,
Cittaṃ yassa na kampati,
Asokaṃ virajaṃ khemaṃ,
Etammaṅgalamuttamaṃ.**

Một: tâm không xao động vì Pháp thế gian.
Hai: không có sự uất ức.
Ba: dứt khỏi tình dục.
Bốn: lòng tự tại.
Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.

**Etādisāni katvāna,
Sabbatthamaparājita,
Sabbattha sotthiṃ gacchanti,
Tantesaṃ maṅgalamuttamaṃ'ti.**

Tất cả Chư Thiên và nhơn loại, nếu được thật hành theo những điều hạnh phúc như thế, là người thắng quá trong mọi nơi, thì hằng được hạnh phúc trong mọi nơi. Chư Thiên này! Các người nên tin rằng cả 38 điều hạnh phúc ấy, là hạnh phúc cao thượng.

-ooOoo-

[26]

RATANASUTTĀRAMBHO TỤNG BỘ CÁO KINH TAM-BẢO

**Pañidhānato paṭṭhāya Tathāgatassa
dasa pāramiyo dasa upapāramiyo
dasa paramatthapāramiyo
pañca mahāpariccāge tisso cariyā
pacchimabbhave gabbhāvakkantiṃ jātiṃ
abhinikkhamaṇaṃ padhānacariyaṃ
bodhipallaṅke māravijayaṃ.**

Chúng ta nên đem lòng từ thiện, (đối với tất cả chúng sanh) như Đại đức ĀNANDA, đã suy tưởng đều đủ các công đức của Phật, từ khi mới phát nguyện thành bậc Chánh-đăng Chánh-giác, là tu 10 phép Ba-rá-mi (PĀRAMĪ) [3], 10 phép Ú- bá-ba-rá-mi (UPAPĀRAMĪ) [4], 10 phép Bá-rá-mát thá-ba-rá-mi (PARAMATTHAPĀRAMĪ) [5], 5 phép đại thí [6], 3 phép hành [7].

**Sabbaññutaññāṇappaṭivedhaṃ
nava lokuttaradhammeti sabbepime**

**buddhagūṇe āvajjivā Vesāliyā tisu
pākārantaresu tiyāmarattiṃ parittam
karonto āyasmā Anandatthero viya
kāruṇṇacittam upaṭṭhapetvā.**

Tư cách giảng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót.

Tư cách ra đời.

Tư cách xuất gia.

Tư cách tu khổ hạnh.

Tư cách cảm thắng Ma Vương.

Tư cách chứng quả Chánh-Biên-Tri trên Bồ-đoàn.

Chín Phép Thánh.

Suy tưởng xong rồi; Đại đức ĀNANDA tụng kinh PARITTA [8] cả đêm, trọn đủ 3 canh, tại trong 3 vòng thành VESĀLĪ .

**Koṭisatasahassesu,
Cakkavāḷesu devatā,
Yassānampaṭṭiggaṇhanti,
Yaṅca Vesāliyaṃ pure,
Rogā manussadubbhikkha-
Sambhūtantividhaṃ bhayaṃ,
Khippamantaradhāpesi,
Parittantambhaṇāma he.**

Tất cả Chư Thiên trong mười muôn triệu thế giới Ta-Bà, đều được thọ lãnh oai lực kinh PARITTA. Kinh PARITTA đã làm cho 3 điều kinh sợ phát sanh, là: Bệnh tật, Phi nhơn và sự Đói khát trong thành VESĀLĪ được mau tiêu diệt. Chư Thiên này, nay chúng tôi tụng kinh PARITTA ấy.

-ooOoo-

[27]

RATANASUTTA KINH TAM-BẢO

**Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
Bhummāni vā yāniva antalikkhe.**

Hạng Bhūta là Chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhūta là Chư Thiên ngự trên hư không thế giới, mà đến hội họp nơi đây.

**Sabbeva bhūtā sumanā bhavantu,
Athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.**

Cầu xin tất cả hạng Bhūta ấy, mở lòng từ thiện, và đem lòng thành kính mà nghe Phật ngôn.

**Tasmā hi bhūtā nisāmetha sabbe,
Mettaṃ karotha mānusiya pajāya,
Divā ca ratto ca haranti ye balaṃ.**

Tất cả chư bhūta được nghe kinh PARITTA rồi, nên mở lòng Bác ái đối với chúng sanh, thuộc về nhơn loại, là những người hằng đem của bố thí đêm ngày không dứt.

**Tasmā hi ne rakkhatha apamattā,
Yamkiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā,
Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ,
Na no samaṃ atthi Tathāgatena.**

Vì đó, các Ngài chẳng nên lãnh đạm, cầu xin hộ trì những người ấy. Tài sản trong thế gian này, hoặc trong thế giới khác hoặc trên châu quý trọng trên Thiên thượng. Cả tài sản và trên châu ấy, cũng chẳng sánh bằng Đức Như Lai.

Idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Phật này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

**Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ,
Yadajjagā Sakyamunī samāhito.**

Đức Giáo-chủ SAKYAMUNI là bậc thanh tịnh, đại ngộ các pháp diệt trừ phiền não, dứt khỏi tình dục, là Pháp bất diệt, là Pháp cao thượng.

Na tena dhammena samatthi kiñci.

Chẳng có chi sánh bằng Pháp ấy.

Idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ.

Pháp-Báo này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

Yaṃ Buddhaseṭṭho parivaṇṇayāi sucipi.

Đức Phật cao thượng hằng khen ngợi Pháp Thiên định (SAMĀDHI) là Pháp trong sạch.

Samādhimānantarikaññamāhu.

Các bậc Trí tuệ, đã giảng giải về Pháp Chánh Định là Pháp sanh quả theo thứ tự.

Samādhinā tena samo na vijjati.

Thiên định khác chẳng thể sánh bằng.

Idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ.

Pháp-Báo này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

**Ye puggalā aṭṭhasataṃ pasatthā,
Cattāri etāni yugāni hontī,
Te dakkhiṇeyyā Sugatassa sāvakā.**

Những hạng tu hành có 8 bậc, mà các Thiên trí thức đã ngợi khen, các bậc ấy đều là Thỉnh Văn, đệ tử của Đức SUGATO [2], các Ngài đáng thọ lãnh những vật thí, của người tin lý nhân quả đem đến dâng cúng.

Etesu dinnāni mahapphalāni.

Những sự bố thí đến các bậc (DAKKHINEYYA PUGGALĀ) [10], là việc bố thí được kết quả rất nhiều hạnh phúc.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

Ye suppayuttā manasā dāhena, Nikkāmino Gotamasāsanamhi.

Các bậc Thánh nhơn trong giáo Pháp của Đức Chánh-Biến-Tri hiệu GOTAMA [11], đã hành theo lẽ chánh rồi có lòng bền chắc, chẳng còn ái dục.

Te pattipattā amataṃ vigayha, Laddhā mudhā nibbutiṃ bhūñjamānā.

Các bậc Thánh nhơn ấy đã chứng quả A-LA -HÁN, đã nhập Niết-bàn, đã tắt lửa phiền não, và đã hưởng đạo-quả rồi.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

Yathindakhilo paṭhaviṃ sito siyā, Catubbhi vātebhi asampakampiyo.

Cột cừ đã đóng cứng dưới đất, dầu gió 4 phương cũng không lay động, thế nào.

Tathūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi, Yo ariyasaccāni avecca passati.

Người hay suy xét thấy các Pháp Diệu-Đế, Như Lai gọi người ấy là bậc Thiện Trí Thức, hạng không tham nhiễm các Pháp thế gian, ví như cột cừ kia vậy.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thanh lợi.

Ye ariyasaccāni vibhāvayanti.

Các bậc Thánh nhơn thấy rõ các Pháp Diệu-Đế.

Gambhīrapañṇena sudesitāni, Kiñcāpi te honti bhussappamattā, Na te bhavaṃ aṭṭhamamādiyanti.

Mà Đức Như Lai có Trí tuệ thậm-thâm đã giảng dạy đứng đắn. Các bậc Thánh nhơn ấy dầu có dề duôi, cũng chẳng thọ sanh đến kiếp thứ 8, là chẳng luân hồi quá 7 kiếp.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trên châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

**Sahāvassa dassanasampadāya,
Tayassu dhammā jahitā bhavanti,
Sakkāyadiṭṭhi vicikicchitaṅca,
Silabbataṃ vāpi yadatthi kiñci.**

Bậc được chứng đạo-quả Tu-Đà-Hườn, thì đã dứt khỏi 3 phép chướng ngại thường có là Thân Kiến, Hoài Nghi và Giới Cấm Thủ.

**Catūhapāyehi ca vip̐pamutto,
Cha cābhiṭhānāni abhabbo kātum**

Bậc Tu-Đà-Hườn đã thoát khỏi cả 4 đường dữ, không còn phạm 6 điều ác, là 5 tội đại nghịch, và cách xu hướng theo ngoại-đạo.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

**Kiñcāpi so kammaṃ karotī pāpakaṃ,
Kāyena vācāyuda cetasā vā,
Abhabbo so tassa paṭicchadāya.**

Nếu bậc Tu-Đà-Hườn vô tâm phạm điều tội lỗi do thân, khẩu, ý, các Ngai cũng chẳng giấu giếm.

Abhabbatā diṭṭhapadassa vuttā.

Nét hạnh của bậc đã thấy đạo quả Niết-bàn, bậc không có thể giấu kín nghiệp dữ, mà Đức Phật đã giảng dạy rồi.

Idampi saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

**Vanappagumbe yathā phussitagge,
Gimhānamāse paṭhamasmiṃ gimhe,
Tathūpamaṃ dhammavaraṃ adesayi,
Nibbānagāmiṃ paramaṃ hitāya.**

Pháp cao thượng mà đức Chánh-Biến-Tri đã giảng giải, là Pháp có thể tiếp dẫn chúng sanh đến Niết-bàn, cho được sự lợi ích cao thượng. Pháp ấy ví như cây trong rừng, sanh chồi trong đầu mùa hạn.

Idampi buddhe ratanaṃ paṇītaṃ.

Đức Phật này như trân châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

Varo varaññū varado varāharo.

Đức Chánh-Biến-Tri là bậc cao thượng, Ngài suốt thông Pháp cao thượng, Ngài thí Pháp cao thượng, Ngài đem đến Pháp cao thượng.

Anuttaro dhammavaram adesai.

Ngài là bậc vô thượng, đã diễn thuyết các pháp cao thượng.

Idampi buddhe ratanam paṇītam.

Đức Phật này như trân châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ natthi sambhavaṃ.

Nghiệp cũ của các bậc Thánh non đã dứt hẳn rồi, nghiệp mới cũng chẳng phát sanh.

**Virattacittāyatike bhavasmim,
Te khīṇabijā avirūhichandā.**

Các bậc Thánh non nào đã chán nản trong việc thoát sanh. Hạt giống đã đoạn tận, lòng dục không tăng trưởng.

Nibbanti dhīrā yathāyampadipo.

Là bậc có Trí tuệ thường được viên tịch cũng như ngọn đèn tắt vậy.

Idampi saṅghe ratanam paṇītam

Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng.

Etena saccena suvatthi hotu.

Tôi xin thành thật, cầu được phát sanh thành lợi.

**Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
Bhummāni vā yāniva antalikkhe,
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ,
Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu.**

Hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng cùng chúng tôi làm lễ Chư Phật, là các đấng Giáo Chủ đã được chúng quả giống nhau, mà Chư Thiên cùng non loại thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thành lợi.

**Yānīdha bhūtāni samāgatāni,
Bhummāni vā yāniva antalikkhe,
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ,
Dhammaṃ namassāma suvatthi hotu.**

Hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng cùng chúng tôi làm lễ các Pháp đã có giống nhau, mà Chư Thiên cùng non loại thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thành lợi.

**Yānidha bhūtāni sāmāgatāni,
Bhummāni vā yāni va antalikkhe,
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ,
Saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu.**

Hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhūta nào là Chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng cùng chúng tôi làm lễ Chư Tăng đã có giống nhau, mà Chư Thiên cùng nhơn loại thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thành lợi.

-ooOoo-

[28]

KARAṆĪYAMETTASUTTĀRAMBHO BỔ CÁO BẮC-ÁI KINH

**Yassānubhāvato yakkhā,
Neva dassenti bhimsanaṃ,
Yamhi cevānuyūjanto,
Rattindivamatandito,
Sukhaṃ supati sutto ca,
Pāpaṃ kiñci na passati,
Evamādiguṇūpetamaṃ,
Parittantambhaṇāma he.**

Do nhờ oai lực Kinh PARITTA, mà các hạng Dạ-Xoa không dám hiện hình đáng sợ, lại nữa những ai ngày và đêm không lười biếng, siêng năng đọc tụng kinh PARITTA, đương khi ngủ hoặc đã ngủ cũng đều được an vui, không nằm mộng thấy sự xấu xa chút ít. Nay ta tụng kinh PARITTA có những oai đức, nhưt là như vậy:

-ooOoo-

[29]

KARAṆĪYAMETTASUTTA BẮC-ÁI KINH

**Karaṇīyamatthakusalena,
Yantaṃ santaṃ padaṃ abhisamecca,
Sakko ujū ca suhujū ca,
Suvaco cassa mudu anatiṃāni.**

Do sự nào mà bậc Thánh nhơn được Giác Ngộ các Pháp yên lặng là Niết-bàn, người rõ biết trong việc hữu ích nên hành sự ấy, người ấy là bậc đồng cảm thân khẩu ý chân chánh và trong sạch, là người dễ dạy, có tánh nết nhu thuận, không ngã mạn thái quá.

**Santussako ca subhara ca,
Appakicco ca sallahukavutti,
Santindriyo ca nipako ca,
Appagabbho kulesu ananugiddho.**

Là người trị túc dễ nuôi, là người ít bận việc, và thân tâm nhẹ nhàng, là người có lực căn thanh tịnh, có nhiều Trí tuệ, là người có liêm sỉ, không quyền luyến theo thân bằng quyến thuộc.

**Na ca khuddaṃ samācare kiñci,
Yena viññū pare upavadeyyuṃ,
Sukhino vā khemino hontu,
Sabbe sattā bhavantu sukhitatā.**

Các bậc Thiện Trí Thức hằng chê bai các chúng sanh tạo những nghiệp không nên làm, là nghiệp xấu xa hèn hạ dẫu là nhỏ nhen chút ít mà nên rải lòng Bác ái đến các hạng chúng sanh như vậy:

**Ye keci pāṇabhūtatti,
Tasā vā thāvarā vā anavasesā,
Dīghā vā ye mahantā vā,
Majjhimā rassakā aṇukathulā.**

Cầu cho tất cả chúng sanh đều được an vui thông thả, thân tâm được nhiều hạnh phúc, tất cả chúng sanh không dư sót, dẫu là chúng sanh có sự kính sợ, là còn lòng ham muốn, hoặc là bậc Hiền triết đã dứt lòng ham muốn.

**Dīṭṭhā vā yeva adīṭṭhā,
Ye ca dūre vasanti avidūre,
Bhūtā vā sambhavesī vā,
Sabbe sattā bhavantu sukhittatā.**

Chúng sanh nào có thân hình dài hoặc lớn, có thân hình bậc trung hoặc vắn, có thân hình gầy hoặc béo, chúng sanh mà ta đã thấy hoặc không thấy được, chúng sanh ngụ nơi xa hoặc gần, đã sanh ra rồi hoặc còn đang tìm nơi thọ sanh.

**Na paro paraṃ nikubbetha,
Nātimaññetha katthaci naṃ kiñci,
Byārosanā paṭiḡhasaññā,
Nāññamaññassa dukkhamiccheyya.**

Chúng sanh chẳng nên dọa hăm làm khổ chúng sanh khác, chẳng nên khinh bỉ chút ít kẻ khác trong nơi nào cả, chẳng nên muốn làm khổ lẫn nhau vì sự nóng giận hoặc bất bình là sự bực tức trong tâm.

**Mātā yathā niyaṃ puttāṃ,
Āyusā ekaputtamanurakkhe,
Evampi sabbabhūtesu,
Mānasāṃ bhāvaye aparimāṇaṃ.**

Người mẹ tha liềm chết để bảo dưỡng con đẻ là con một, là dám bỏ sanh mạng trong sự bảo dưỡng con thể nào, Người nên niệm lòng Bác ái vô lượng vô biên để rải đến tất cả chúng sanh cũng như thể ấy.

**Mettañca sabbalokaṃ,
Mānasāṃ bhāvaye aparimāṇaṃ,
Uddhaṃ adho ca tiriyañca,
Asambādhaṃ averaṃ asapattaṃ**

Người nên niệm tâm Bác ái vô lượng vô biên, là Pháp không nóng giận, không bất bình, không thù oán, không bạn nghịch, đều rải trong tất cả thể giới, là rải bên trên, bên dưới, bên ngang và khoảng giữa.

**Tiṭṭhañcamaṃ nisinno vā,
Sayāno vā yāvatassa vigatamidhho,
Etaṃ satīṃ adhiṭṭheyya,
Brahmametaṃ vihāraṃ idhamāhu.**

Người niệm lòng Bác ái ấy dẫu đứng, đi, ngồi hoặc nằm, là người đã dứt bỏ sự hôn-trầm, là người chẳng còn ngủ mê, đến đâu nên thành tâm thường niệm lòng Bác ái đến đó, các bậc trí thức gọi những tư cách ấy, là Pháp vô lượng tâm trong Phật Pháp.

**Dīṭṭhiñca anupagamma,
Silavā dassanena sampanno,**

**Kāmesu vineyya gedham,
Na hi jātu gabbhaseyyaṃ punareṭṭi.**

Người có vô lượng tâm Bất ái, không tà kiến, là người có Tri Giới, có chánh kiến, là người đắc Tu-Đà-Hườn đạo, đã dứt bỏ sự say mê theo ngũ trần rồi.

-ooOoo-

[30]

**PAKIṆṆAKAPARITTA
(KINH TỤNG SAU CÙNG CÁC KINH CẦU AN)**

ABHAYAPARITTAGĀTHĀ

**Yandunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo,
Pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ,
Buddhānubhāvena vināsamentu.**

Nhờ Uy linh của Đức Phật, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thầy đều tiêu tan.

**Yandunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakuṇassa saddo,
Pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ,
Dhammānubhāvena vināsamentu.**

Nhờ Uy linh của Đức Pháp, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thầy đều tiêu tan.

**Yan dunnimittaṃ avamaṅgalaṅca,
Yo cāmanāpo sakunassa saddo,
Pāpaggaḥo dussupinaṃ akantaṃ,
Saṅghānubhāvena vināsamentu.**

Nhờ Uy linh của Đức Tăng, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thầy đều tiêu tan.

**Dukkhappattā ca niddukkhā,
Bhayappattā ca nibbhayā,
Sokappattā ca nissokā,
Hontu sabbepi paṇino.**

Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin cho dứt khổ, đến điều lo sợ rồi, xin cho dứt lo sợ, đến con phiền muộn rồi, xin cho dứt phiền muộn.

**Ettāvatā ca amhehi,
Sambhataṃ puññasampadaṃ,
Sabbe devānumodantu,
Sabbasampattisiddhiyā.**

Mong cho Chư Thiên hoan hỷ quả phước của chúng tôi đã tạo, cho được thành tựu những hạnh phúc.

**Dānaṃ dadantu saddhāya,
Silaṃ rakkhantu sabbadā,
Bhāvanābhiratā hontu,
Gacchantu devatāgatā.**

Chúng nhân hãy bỏ thí, hãy trì giới hãy là người vui thích Tham Thiên (Niệm Phật) thường thường, Chư Thiên đã đến rồi, xin thỉnh các Ngài hồi quy.

**Sabbe buddhā balappattā,
Paccekaṇaṇca yambalam,
Arahantānaṇca tejena,
Rakkhaṃ bandhāmi sabbaso.**

Tất cả đức Chánh-Biến-Tri đều duy trì quyền lực, Chư Độc Giác cũng có quyền lực, các bậc A LA HÁN cũng có quyền lực; Tôi xin kết hợp sự duy trì bằng cách phát quang hoàn toàn (của các quyền lực ấy).

* * *

JAYAPARITTAGĀTHĀ

**Mahākāraṇiko nātho,
Hītāya sabbapāṇinam,
Pūretvā pāramī sabbā,
Patto sambodhimuttanam.**

Đức Chánh-Biến-Tri là đấng cứu thế, Ngài gồm có đức Đại Bi, Ngài bỏ khuyết tất cả Pháp PĀRAMĪ đem lợi ích đến chúng sanh rồi, Ngài chứng quả Toàn Giác tối thượng.

**Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalam.**

Do lời chân thật này, xin cho hào vận phát sanh đến người.

**Jayanto bodhiyā mūle,
Sakyānam nandivaddhano,
Evaṃ tvaṃ vijayo hohi,
Jayassu jayamaṅgale,
Aparājitapallaṅke,
Sise paṭhavipokkhare.**

Đức Chánh-Biến-Tri khuyến khích cả dòng Thích-Ca được hân hoan phát đạt, Ngài đã cảm thắng Ma Vương rồi đắc bậc tối cao, Ngài thỏa mãn (Pháp Ngài Giác ngộ) trên bảo tọa bất khả chinh phục kẻ cận cội Bồ-Đề, ngay trung tâm địa cầu.

**Abhiseke sabbabuddhānam,
Aggappatto pamodati.**

Như lá sen là nơi đấng quang của Chư Phật thế nào, xin cho người chiến thắng (ngịch pháp) như vậy.

**Sunakkhattam sumaṅgalam,
Supabhātam suhuttitām,
Sukhaṇo sumuhutto ca,
Suyiṭṭham brahmacārisu.**

Giờ nào chúng sanh thực hành thân, khẩu, ý trong sạch, giờ đó gọi là vận mệnh tốt, là giờ xán lạn, là khắc tốt, là canh tốt, (tài thí mà) người đã cúng dường đến các bậc Phạm Hạnh rồi (giờ đó) gọi là cúng dường [\[12\]](#) chân chánh.

**Padakkhiṇam kāyakammaṃ,
Vācākammaṃ padakkhiṇam,
Padakkhiṇam manokammaṃ,
Paṇidhī te padakkhiṇā,
Padakkhiṇāni katvāna,
Labhantatthe padakkhiṇe.**

Ngày đó gọi là có nghiệp thân phát đạt, nghiệp khẩu phát đạt, nghiệp ý phát đạt. Sự nguyện vọng của những người đó, cũng gọi là nguyện vọng phát đạt. Người tạo nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý phát đạt như thế, rồi sẽ được những lợi ích phát đạt.

**So atthaladdho sukhito,
Viruḷho buddhasāsane,
Arogo sukhito hohi,
Saha sabbehi nātibhi.**

Người (nam) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bệnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

**Sā atthaladdhā sukhitā,
Viruḷhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hohi,
Saha sabbehi nātibhi.**

Người (nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bệnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

**Te atthaladdhā sukhitā,
Viruḷhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hotha,
Saha sabbehi nātibhi.**

Tất cả người (nam và nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được phát đạt trong Phật giáo, hãy đừng có bệnh hoạn, cho được an vui cùng với quyến thuộc cả thảy.

* * *

ĀṬĀNĀṬIYAPARITTAGĀTHĀ

**Sakkatvā buddharatanam,
Osatham uttamanam varam,
Hitam devamanussanam,
Buddhatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
Dukkhā vūpasamentu te.**

Xin cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan, những khổ não của người đều yên lặng, nhờ sự vinh quang và về Uy linh của đức Phật, vì lòng tôn kính Phật-Bảo, như món linh được quý cao, là lợi ích đến Chư Thiên và nhân loại.

**Sakkatvā dhammaratanam,
Osatham uttamanam varam,
Pariḷhūpasamanam,
Dhammatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
Bhayā vūpasamentu te.**

Xin cho tất cả điều nguy khốn được tiêu tan, những lo sợ của người đều yên lặng, nhờ sự vinh quang và về Uy linh của đức Pháp, vì lòng tôn kính Pháp-Bảo, như món linh được quý cao, là Pháp trấn tĩnh điều Phiền Não.

**Sakkatvā saṅgharatanam,
Osatham uttamanam varam,
Āhuneyyam pāhuneyyam,
Saṅghatejena sotthinā,
Nassantupaddavā sabbe,
Rogā vūpasamentu te.**

Xin cho tất cả điều nguy-khốn được tiêu tan, những bịnh-hoạn của người đều yên-lặng, nhờ sự vinh-quang và vẻ Uy-linh của đức Tăng, vì lòng tôn kính Tăng-Bảo, như món linh-được quý cao, đáng cho người cúng dường và hoan nghinh tôn trọng.

**Yaṃkiñci ratanaṃ loke,
Vijjati vividhaṃ puthu,
Ratanaṃ buddhasamaṃ natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**

Những báu vật trong thế-gian có nhiều thứ nhiều loại, các báu vật ấy chẳng sánh bằng Phật-Bảo đầu, vì thế, cầu xin hạnh-phúc phát sanh đến người.

**Yaṃkiñci ratanaṃ loke,
Vijjati vividhaṃ puthu,
Ratanaṃ dhammasamaṃ natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**

Những báu vật trong thế gian có nhiều thứ nhiều loại, các báu vật ấy chẳng sánh bằng Pháp-Bảo đầu, vì thế, cầu xin hạnh phúc phát sanh đến người.

**Yaṃkiñci ratanaṃ loke,
Vijjati vividhaṃ puthu,
Ratanaṃ saṅghasamaṃ natthi,
Tasmā sotthī bhavantu te.**

Những báu vật trong thế gian có nhiều thứ nhiều loại, các báu vật ấy chẳng sánh bằng Tăng-Bảo đầu, vì thế, cầu xin hạnh phúc phát sanh đến người.

*

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṇaṃ varaṃ,
Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalaṃ.**

Chẳng có chi đáng cho tôi phải nương theo, chỉ có Đức Phật là nơi nương cao quý của tôi; do lời chân thật này, xin cho hảo vận phát sanh đến người.

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṇaṃ varaṃ,
Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalaṃ.**

Chẳng có chi đáng cho tôi phải nương theo, chỉ có Pháp-Bảo là nơi nương cao quý của tôi; do lời chân thật này, xin cho hảo vận phát sanh đến người.

**Natthi me saraṇaṃ aññaṃ,
Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ,
Etena saccavajjena,
Hotu te jayamaṅgalaṃ.**

Chẳng có chi đáng cho tôi phải nương theo, chỉ có Đức Tăng là nơi nương cao quý của tôi; do lời chân thật này, xin cho hảo vận phát sanh đến người.

*

**So atthaladdho sukkhito,
Viruḷho buddhasāsane,
Arogo sukkhito hohi,
Saha sabbehi nātibhi.**

Người (nam) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được tiến hóa trong đường Phật đạo, khỏi bệnh hoạn, được sự an vui cho những người trong gia quyến cả thầy.

**Sā atthaladdhā sukhitā,
Viruḥhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hohi,
Saha sabbehi nātibhi.**

Người (nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được tiến hóa trong đường Phật đạo, khỏi bệnh hoạn, được sự an vui cho những người trong gia quyến cả thầy.

**Te atthaladdhā sukhitā,
Viruḥhā buddhasāsane,
Arogā sukhitā hotha,
Saha sabbehi nātibhi.**

Những người (nam nữ) ấy hãy được lợi ích, được an vui, hãy được tiến hóa trong đường Phật đạo, khỏi bệnh hoạn, được sự an vui cho những người trong gia quyến cả thầy.

-ooOoo-

-
- [1] Tàu dịch: Thê Tôn.
[2] Ứng Cúng.
[3] Đến bờ kia.
[4] Đến bờ trên.
[5] Đến bờ cao-thượng.
[6] Thí con, thí vợ, thí của, thí chi thể, thí sanh mạng.
[7] Hành cho lợi kỹ, cho lợi thân quyến, cho lợi chúng sinh.
[8] Kính cầu an.
[9] Thiện Thệ.
[10] Người đáng thọ lãnh của người tin lý nhân quả dăng cúng.
[11] GOTAMA, Tàu âm là: Cồ-Đàm.
[12] Cũng gọi là tôn kính, tôn sùng.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [01](#) | [02](#) | [03](#) | [04](#)

Chân thành cảm ơn đạo hữu Huyền Thanh đã gửi tặng bản vi tính (Bình Anson, 05-2006)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

last updated: 12-05-2006